

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DSST

Ngày: 27/5/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Đình Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Luyện

2. Bà Nguyễn Thị Lâm

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2021/TLST – DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-ST ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T- Giám đốc xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thùy L– nhân viên. (Có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1969; ĐKNKTT: phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; Trú tại: , ngõ 67 phố Đức Giang, tổ 21, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 12/4/2018, ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho ông Nguyễn Tuấn N theo Hợp đồng tín dụng trả góp số HUBY.CN.1137110418 (số tài khoản vay 260241229), cụ thể:

Số tiền vay là: 50.000.000 đồng.

Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 260238819 của ông Nguyễn Tuấn N tại A. Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 13/4/2018 đến ngày 12/4/2022).

Mục đích vay: UIL- Tiêu dùng tín chấp- Hỗ trợ tiêu dùng, khách hàng vay vốn bổ sung tiền mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình.

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.

Lãi suất trong hạn: 26%/năm.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Trong quá trình vay vốn, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 09/01/2020, ngân hàng ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên.

Ngày 08/02/2020, Ngân hàng TMCP A chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến hết ngày 27/5/2022, ông N đã trả được số tiền 28.503.240 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm linh ba nghìn hai trăm bốn mươi đồng), trong đó trả nợ gốc là 12.169.606 đồng (mười hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm linh sáu đồng), trả lãi là 16.326.100 đồng (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn một trăm đồng), trả phạt chậm trả là 7.534 đồng (Bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).

Tạm tính đến hết ngày 27/5/2022, ông N còn nợ ngân hàng TMCP A các khoản sau:

Nợ gốc: 37.830.394 đồng

Lãi trong hạn: 4.122.995 đồng.

Lãi quá hạn: 35.027.754 đồng.

Phạt chậm trả lãi: 375.010 đồng.

Tổng cộng: 77.356.153 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán cho ngân hàng tạm tính đến hết ngày 27/5/2022 là 77.356.153 đồng (Bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 37.830.394 đồng, lãi trong hạn: 4.122.995 đồng, lãi quá hạn: 35.027.754 đồng, phạt chậm trả: 375.010 đồng.

Ông N còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng trả góp số HUY.CN.1137.110418,

tính kể từ ngày 28/5/2022 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

* **Bị đơn- Ông Nguyễn Tuấn N:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Nguyễn Tuấn N đến Tòa án để cung cấp tài liệu, chứng cứ và trình bày nguyện vọng trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Nguyễn Tuấn N là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 12/4/2018, ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho ông Nguyễn Tuấn N theo Hợp đồng tín dụng trả góp số HUBY.CN.1137110418 (số tài khoản vay 260241229). Do ông Nguyễn Tuấn N vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 điều 26 BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại Phòng 13, tầng 11, chung cư 37, ngõ 67 phố Đức Giang, tổ 21, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần đến Tòa án để giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy

định của pháp luật tổ tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

*** Về nội dung:**

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng trả góp số HUBY.CN.1137110418 ngày 12/4/2018 được các bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch được xác lập, mục đích và nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng trả góp, Ngân hàng TMCP A đã thực hiện việc giải ngân cho ông N, phương thức giải ngân là chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 260238819 của ông Nguyễn Tuấn N tại ngân hàng. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Ông N đã nhận đủ số tiền vay, cũng đã thanh toán cho Ngân hàng được một phần tiền gốc và tiền lãi nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, vi phạm hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu buộc ông N phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Tính đến hết ngày 27/5/2022, ông N đã trả được số tiền 28.503.240 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm linh ba nghìn hai trăm bốn mươi đồng), trong đó trả nợ gốc là 12.169.606 đồng (mười hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm linh sáu đồng), trả lãi là 16.326.100 đồng (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn một trăm đồng), phạt chậm trả là 7.534 đồng (Bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).

Căn cứ Hợp đồng tín dụng trả góp thì bị đơn còn nợ ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 27/5/2022 là 77.356.153 đồng (Bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 37.830.394 đồng, lãi trong hạn: 4.122.995 đồng, lãi quá hạn: 35.027.754 đồng, phạt chậm trả: 375.010 đồng. Nay ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi là có căn cứ cần được chấp nhận. Do vậy cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá, phạt chậm trả lãi hạn tính đến hết ngày 27/5/2022 theo Hợp đồng tín dụng trả góp và luật tổ chức các tín dụng.

Quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật

và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

* **Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 4, Điều 119, Điều 401, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự

- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với ông Nguyễn Tuấn N về việc yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng trả góp số HUBY.CN.1137110418 ngày 12/4/2018.

2. Buộc ông Nguyễn Tuấn N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 27/5/2022 là: 77.356.153 đồng (Bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 37.830.394 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn ba trăm chín mươi tư đồng), lãi trong hạn: 4.122.995 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi hai nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng), lãi quá hạn: 35.027.754 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng), phạt chậm trả: 375.010 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm mười đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/5/2022) cho đến khi thi hành án xong, ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số HUBY.CN.1137110418 ngày 12/4/2018 và được điều chỉnh phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP A theo từng thời kỳ nhưng không trái quy định pháp luật.

4. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Tuấn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.867.808 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng). Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên theo Biên lai số 64772 ngày 01/11/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội
- VKSND q. Long Biên
- Chi cục THADS quận Long Biên.
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Đình Hùng